



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**  
**NĂM 2020**

**MỤC LỤC**

I – Thông tin chung .....	trang 3
II – Tình hình hoạt động trong năm .....	trang 13
III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....	trang 23
IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty .....	trang 30
V – Quản trị Công ty .....	trang 31
VI – Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán .....	trang 39

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ (Chín mươi tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 3991 9259
- Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)
- Mã cổ phiếu : **VNL**

### Quá trình hình thành và phát triển

#### Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

#### Năm 1999:

- ❖ 24/6 : Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **Vinalink**; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK....
- ❖ 16/7 : Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy công ty bao gồm:
  - Ban Giám đốc.
  - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
  - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
  - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
  - Phòng Kế toán - Hành chính.

- ❖ 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

**Năm 2000:**

- ❖ 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- ❖ 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na Uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

**Năm 2001:**

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Quận Tân Bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

**Năm 2002:**

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

**Năm 2003:**

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines ...

**Năm 2004:**

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động



- ❖ Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte. Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

#### **Năm 2005:**

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động.
- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

#### **Năm 2006**

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyên phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

#### **Năm 2007**

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM Co., Ltd. Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte,

Ltd (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM Co., Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembourg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt Nam.

### **Năm 2008**

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

### **Năm 2009**

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.
- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

### **Năm 2010**

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của Công ty tại Phnompenh

### **Năm 2011**

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:



Tên miền:

[headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com)

Trang Web:

[www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

#### **Năm 2012 :**

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

#### **Năm 2013**

Ngày 4/1/2013, Công ty **TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)** đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

#### **Năm 2014**

Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/05/2014.

- \* Tên công ty trước khi thay đổi : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
- \* Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- \* Tên viết tắt : **VINALINK**

### **Năm 2018**

- ❖ 01/06 : Chi nhánh công ty tại Đà Nẵng chính thức hoạt động.
- ❖ 01/07 : Chi nhánh công ty tại Quy Nhơn chính thức hoạt động.

### **Năm 2019**

Thay đổi trụ sở chính tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh từ ngày 21/05/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TP HCM cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 21/05/2019.

### **❖ Năm 2020**

Quyết định chấm dứt hoạt động Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) từ ngày 01/11/2020, theo NQ HĐQT số 2371/2020/NQ/VNL-HĐQT ngày 26/10/2020, thực hiện thủ tục chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài và giải thể theo quy định.

### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh (dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- \* Giao nhận vận tải quốc tế : bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ hàng cross border với Campuchia (gồm hàng xuất nhập khẩu và hàng quá cảnh).
- \* Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.
- \* Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông)
- \* Dịch vụ kho và bãi container

- Địa bàn kinh doanh (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) : TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.

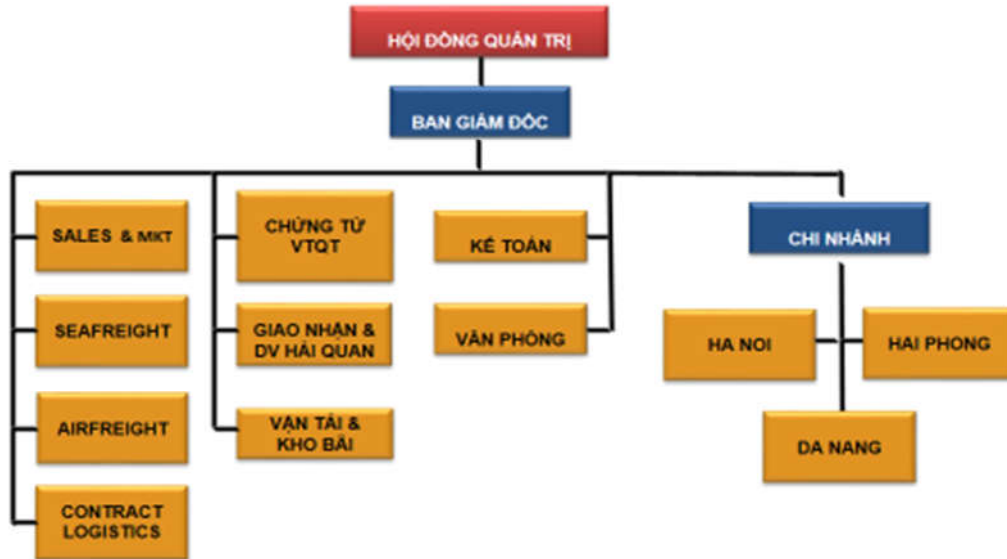
### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **- Mô hình quản trị**

- \* Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng
- \* 4 chi nhánh : Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn

Trong năm 2020, Công ty đã đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh Chi nhánh Công ty tại Quy Nhơn bắt đầu từ ngày 01/04/2020 đến 31/03/2021.

- Cơ cấu bộ máy quản lý



**Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh**

❖ **Chi nhánh Công ty :**

- **Hà Nội:** Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)

Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

ĐT: (84-24) 37724234 – Fax: (84-24) 37724235

Email: [han@vinalinklogistics.com](mailto:han@vinalinklogistics.com)

- **Hải Phòng:** Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng

72 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, Đông Hải 1,

Quận Hải An, Hải Phòng

ĐT: (84-225) 3979582 – Fax: (84-225) 3979583

Email: [hph@vinalinklogistics.com](mailto:hph@vinalinklogistics.com)

- Đà Nẵng: **Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Đà Nẵng**  
773 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà,  
Thành phố Đà Nẵng  
ĐT : (84-236) 3552528  
Email: [dad@vinalinklogistics.com](mailto:dad@vinalinklogistics.com)
- Quy Nhơn : **Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Quy Nhơn**  
Email: [uih@vinalinklogistics.com](mailto:uih@vinalinklogistics.com)  
(đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ ngày 01/04/2020)

❖ **Địa điểm kinh doanh**

**Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không**

44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (84-28) 3848 7252 Fax : (84-28) 3848 7250

Email : [sgn-air@vinalinklogistics.com](mailto:sgn-air@vinalinklogistics.com)

**Địa điểm kinh doanh**

145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TPHCM

**Các công ty đầu tư - liên kết**

*(Danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỉ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)*

Tên	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VND)	Tỉ lệ vốn góp
<b>Công ty con:</b>			
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	526,750,000	100%

<b>Công ty liên doanh, liên kết :</b>			
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	4,392,000,000	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	19,120,589,000	56,52%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	4,908,430,302	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	3,918,874,000	30%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	1,927,800,000	30%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	946,800,000	20%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	2,000,000,000	40%

Trong năm 2020, HĐQT đã quyết định chấm dứt hoạt động Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) từ ngày 01/11/2020, thực hiện thủ tục chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài và giải thể theo quy định (Nghị quyết HĐQT số 2371/2020/NQ/VNL-HĐQT ngày 26/10/2020)

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm.

Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ đường biển, hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Đầu tư: nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

#### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường : xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.
- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

#### 5. **Rủi ro:**

Hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistics có những rủi ro như :

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
- Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.



- Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
- Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Thách thức từ dịch bệnh covid-19 đến ngành logistics từ đầu năm 2020

Trong năm 2020, Covid-19 đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Các chuỗi cung ứng bị đảo lộn, hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại xuyên biên giới cho đến thương mại nội địa, hoạt động vận chuyển, nhất là vận tải quốc tế đối mặt nhiều thách thức. Nhiều nhà máy phải tạm ngưng hoạt động nên lượng hàng hóa cần lưu chuyển ít đi dẫn đến việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong chuỗi cung ứng cũng giảm, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các DN kinh doanh dịch vụ vận tải logistics. Trong các phương thức vận chuyển, hoạt động vận tải hàng không gặp rất nhiều khó khăn do không còn các chuyến bay thương mại; vận tải đường biển các lịch tàu bị xáo trộn, chi phí tăng cao, tình trạng thiếu chỗ, thiếu vỏ cont đóng hàng xuất hiện ngày càng căng thẳng vào cuối năm và kéo dài sang 2021. Vận tải đường bộ nội địa bị ảnh hưởng đáng kể do đáp ứng các yêu cầu phòng chống dịch.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2020		2019	Tỉ lệ tăng/ giảm	
	Kế hoạch	Thực hiện		TH / KH 2020	2020/2019
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.000.000.000	1.202.207.498.846	899.914.942.172	141,44%	133,59%
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.703.465.016	22.541.972.912		127,33%
3. Lợi nhuận khác		211.654.470	419.730.520		50,43%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	20.000.000.000	28.915.119.486	22.961.703.432	144,58%	125,93%
5. Lợi nhuận sau thuế		23.191.041.185	18.788.001.902		123,44%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.532	2.049		
7. Cổ tức		15%	15%		
8. Tỉ lệ lãi trước thuế /vốn điều lệ		32,13%	25,51%		
9. Tỉ lệ lãi sau thuế /vốn điều lệ		25,77%	20,88%		
<i>Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 (đã kiểm toán)</i>					

Nguyên nhân vượt chỉ tiêu :

- Doanh thu thuần tăng chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm giá cước vận chuyển quốc tăng cao.
- Lợi nhuận tăng chủ yếu do dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường biển và dịch vụ hỗ trợ tăng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban Giám đốc

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL (%)	
			01/01/2020	31/12/2020
1	Ông Nguyễn Nam Tiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.0	1.0
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	0.67	0.67
3	Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	0.13	0.13
4	Bà Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng Cty	0.028	0.028

### Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

<i>Họ và tên:</i>	<b>NGUYỄN NAM TIÊN - Tổng Giám đốc</b>
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	06/02/1958
<i>Nơi sinh:</i>	Nam Định
<i>CMND:</i>	023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(84-28) 3991 9259
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Tài chính – Kế toán

#### Quá trình công tác

- + 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)
- + 1982-1985 thực hiện nghĩa vụ quân sự trong quân đội .
- + 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.
- + 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.

+ 9/1999 đến 3/2008 : Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).

*Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:*

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Tổng giám đốc

*Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*

+ Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam)

+ Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam)

+ Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng).

+ Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành

+ Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Vận chuyển Vinalink

+ Thành viên HĐQT Cty TNHH vận tải Ô tô Vina Vinatrans

*Số cổ phần nắm giữ :*

89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :

Không

+ Cá nhân sở hữu :

89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp

*Hành vi vi phạm pháp luật:*

Không

*Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:*

Không

*Họ và tên:*

**VŨ QUỐC BẢO - Phó Tổng giám đốc**

*Giới tính:*

Nam

*Ngày tháng năm sinh:*

31/12/1970

*Nơi sinh:*

Bình Định

*CMND:*

023650480 – cấp ngày: 27/05/2014, tại CA TPHCM

*Quốc tịch:*

Việt Nam

*Dân tộc:*

Kinh

*Quê quán:*

Bình Định

*Địa chỉ thường trú:*

200/10 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TPHCM

*Số ĐT liên lạc:*

(84-28) 3991 9259

*Trình độ văn hóa:*

12/12

*Trình độ chuyên môn:*

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

*Quá trình công tác:*

Từ 1993 - 2004: Công tác tại công ty Vinatrans

Từ 2004 - 2010: Công tác tại công ty hãng tàu RCL Việt Nam – Phó Tổng Giám Đốc

Từ 2010 – nay: Công tác tại công ty CP Logistics Vinalink – Phó Tổng Giám Đốc

<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+ Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam)
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	60.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn thực góp
+ <i>Đại diện sở hữu :</i>	Không
+ <i>Cá nhân sở hữu :</i>	60.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

<i>Họ và tên:</i>	<b>ĐINH QUANG NGỌC</b> - Phó Tổng giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	29/09/1976
<i>Nơi sinh:</i>	Hải Phòng
<i>CMND:</i>	012295821 – cấp ngày: 27/02/2003, tại CA TP. Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Nội
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(024) 37724234
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc)

Quá trình công tác

- + 1999 – 2005 công tác tại Công ty Vinatrans Hà Nội với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển.
- + 2005 - đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
- + 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Phó Giám Đốc Công ty (nay là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới).

<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :	Không
+ Cá nhân sở hữu :	11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	<b>NGUYỄN ANH NAM – Kế toán trưởng</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	13/05/1978
Nơi sinh:	Nha Trang – Khánh Hòa
CMND:	225587728 cấp ngày 04/12/2012 tại CA tỉnh Khánh Hòa
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	214/7 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
Số ĐT Công ty:	(84-28) 38255389
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
<i>Quá trình công tác</i>	
+ Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011 :	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink.
+ Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015 :	Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink
+ Từ 01/09/2015 đến 01/07/2016 :	Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Logistics Vinalink
+ Từ 02/07/2016 đến nay :	Kế toán trưởng Công ty CP Logistics Vinalink

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)
Tổng số cổ phần nắm giữ :	2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp
+ Đại diện sở hữu :	Không
+ Cá nhân sở hữu :	2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

b) Thay đổi trong Ban Giám đốc : không

c) Số lượng cán bộ, nhân viên : 339 người (trụ sở chính TPHCM, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động : xem mục 6.6.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

*Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 (đã kiểm toán)*

a) Các khoản đầu tư lớn: *không phát sinh*

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VDL	Lợi nhuận cho Vinalink 2020	Lợi nhuận cho Vinalink 2019	TL tăng giảm (%)
1	Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750.000	100%	(103.638.771)	59.736.110	-173,49%
				-USD 4.476,45	USD 2.571,95	-174,05%
2	Cty TNHH RCL Việt Nam	946.800.000	20%	819.423.622	81.845.739	1001,18%
3	Cty TNHH DV đại lý vận chuyển (FC Vietnam)	3.918.874.000	30%	(574.828.282)	515.224.777	-111,57%
4	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	4.908.430.302	9,15%	1.652.038.024	1.232.722.128	134,02%
5	Cty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	1.927.800.000	30%	4.674.989.977	3.552.612.437	131,59%
6	Cty CP Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Danang)	4.392.000.000	27,89%	1.155.237.902	1.158.819.827	99,69%
7	Cty CP Logistics Kim Thành	19.120.589.000	56,52%	(487.707.713)	(1.599.656.841)	30,49%
8	Cty CP Vận chuyển Vinalink	2.000.000.000	40%	385.766.790	609.591.309	63,28%

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT : triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	402.607.339.337	340.901.482.094	118,10
Doanh thu thuần	1.202.207.498.846	899.914.942.172	133,59

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.703.465.016	22.541.972.912	127,33
Lợi nhuận khác	211.654.470	419.730.520	50,43
Lợi nhuận trước thuế	28.915.119.486	22.961.703.432	125,93%
Lợi nhuận sau thuế	23.191.041.185	18.788.001.902	123,44%
TL lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức chi trả/ lợi nhuận sau thuế)	58%	72%	81,01%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,09	2,83	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,09	2,83	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	45,12%	37,97%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	82,23%	61,22%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,99	2,64	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,93%	2,09%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,50%	8,89%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,76%	5,51%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,75%	2,34%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang niêm yết : 9.000.000 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 9.000.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày **17/11/2020**

**Cổ đông trong nước** : Tổng số 420 cổ đông, sở hữu 90.86% cổ phần VNL

- Cá nhân : 412, sở hữu 70.88 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 08, sở hữu 19.98 % cổ phần VNL

S T T	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (2)	1,010,800	11.23
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (15)	2,877,900	31.98
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (403)	4,289,070	47.65
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8,177,770</b>	<b>90.86</b>

**Cổ đông ngoài nước :** Tổng số 23 sở hữu 9.13 % cổ phần VNL

- Cá nhân : 16, sở hữu 4.12 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 7, sở hữu 5.02 % cổ phần VNL

S T T	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0)	0	0
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (3)	560,630	6.23
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (20)	261,600	2.91
	<b>Tổng cộng</b>	<b>822,230</b>	<b>9.14</b>

**Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:**

S T T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương	2 Bích Câu, Đống Đa, Hà Nội	505,540	5.62
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	56 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	505,260	5.61

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *không phát sinh*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không phát sinh*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm:

*không phát sinh.*

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường**

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính : chú trọng vào năng lượng sạch, vật liệu xanh, nâng hiệu quả chiếu sáng...



Cụ thể, Công ty lưu ý tiết kiệm năng lượng (điện) trong công sở, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu của các phương tiện vận tải.

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

<b>TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)</b>	<b>2020</b>	<b>2019</b>	<b>%</b>
- Văn phòng :	120.500	112.900	+ 6.73%
- Dịch vụ Kho- Bãi:	0	0	-

Trụ sở Công ty chỉ có văn phòng, không có kho bãi.

b) Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng áp dụng cho năm 2020 :

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.
- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ, ...
- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng. Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.
- Thường xuyên động viên CB-NV đưa ra những sáng kiến, sắp xếp để tiết kiệm năng lượng.

### **6.4. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : Công ty Cấp nước Sài Gòn

<b>TIÊU THỤ NƯỚC</b>	<b>2020</b>	<b>2019</b>	<b>%</b>
- Văn phòng :	1550	1,053	+ 47.20%
- Dịch vụ Kho- Bãi	0	0	-

Lượng nước tiêu thụ tăng do Công ty cải tạo lại hệ thống cấp nước trong tòa nhà để cung cấp đủ nước cho nhu cầu sử dụng và vệ sinh văn phòng. Hệ thống cũ trước đây thiết kế phục vụ gia đình, khi Công ty chuyển qua không cung cấp đủ nước và thường xuyên hư hỏng.

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn :

- Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
- Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
- Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
- Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên.
- Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở CB-NV về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.

Trong năm 2020 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động : 339 người (trụ sở chính TPHCM, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng)

Mức lương tối thiểu : 4.450.000 đ / tháng

Mức lương trung bình : 13.000.000 đ / tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty :

- Thực hiện chế độ, chính sách với NLD theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).
- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và Công An trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến đóng góp của NLD, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để NLD yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Chăm sóc sức khỏe : hàng năm tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho NLD nam và nữ.
- Đảm bảo an toàn : cung cấp trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở CBNV thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại các phòng ban.
- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLD.
- Chi phí đồng phục, nghỉ mát hàng năm.

- Chăm lo cho con CBNV vào các dịp Ngày Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung Thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học
  - Các hoạt động chào mừng ngày phụ nữ 8/3, 20/10.
  - Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào, hội thi do Công đoàn Khối TMTW tổ chức.
  - Trong năm 2020, Công đoàn và Công ty đã chi hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà Tết cho gia đình Công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn và gia đình bị ảnh hưởng bão lụt ở miền Trung, số tiền 76.000.000 đồng.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp :

- o Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc
- o Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên;
- o Tham gia vào những dự án
- o Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia;
- o Tham gia các nhóm làm việc
- o Học hỏi từ đồng nghiệp.
- o Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác :Hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khoá học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy...

### ***6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.***

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ CBNV Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của Doanh nghiệp.

Trong năm 2020, Công đoàn Cty tham gia vận động CBNV và BGD Cty đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, quỹ Vì người nghèo, quỹ phòng chống Covid-19 cho Công đoàn Khối và Đoàn Thanh niên, số tiền 30.550.000 đồng.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020**

*DVT : tỉ đồng*

Chỉ tiêu	2020	2019	%
Tổng Doanh thu:	1.193	884	+ 35%
Lãi trước thuế:	25,79	20,63	+25 %
Lãi sau thuế:	20,17	16,62	+21.36 %
% lãi trước thuế / vốn điều lệ	28.65%	23%	
% lãi sau thuế /vốn điều lệ	22.40%	18.50%	

*Nguồn : BCTC riêng năm 2020***Một số tình hình cơ bản:**

**Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2020** có một số điểm nổi bật như sau:

***Về kết quả:***

Doanh thu tăng 35%, lợi nhuận trước thuế tăng 25%, lãi sau thuế tăng 21.36% so với năm 2019.

Trong đó lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tương đương năm 2019, phần tăng của năm 2020 chủ yếu từ hoạt động dịch vụ, chủ yếu từ mảng dịch vụ đường biển và logistics tại TPHCM.

***Về tình hình kinh doanh :***

1. Năm 2020 tình hình kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, các chuỗi cung ứng bị đảo lộn, hoạt động vận chuyển, nhất là vận tải quốc tế đối mặt nhiều thách thức. Việc thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài làm thay đổi đáng kể cách tiếp cận dịch vụ và điều kiện làm việc của cán bộ - nhân viên. Tuy nhiên trong khó khăn thách thức của tình hình mới cũng xuất hiện các cơ hội kinh doanh với các phương thức thực hiện phù hợp.

Trong các phương thức vận chuyển hoạt động vận tải hàng không gặp rất nhiều khó khăn do không còn các chuyến bay thương mại; vận tải đường biển các lịch tàu bị xáo trộn, chi phí tăng cao, tình trạng thiếu chỗ, thiếu vỏ container đóng hàng xuất hiện ngày càng căng thẳng vào cuối năm và kéo dài sang 2021. Vận tải đường bộ nội địa bị ảnh hưởng đáng kể do đáp ứng các yêu cầu phòng chống dịch.

2. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý phù hợp với tình hình mới, trong đó :

+ Giữ ổn định các dịch vụ với các khách hàng chủ lực, chuyển phương thức tiếp cận dịch vụ và làm việc, kết hợp giao dịch tại văn phòng với làm việc từ xa đảm bảo thông suốt thông tin và quy trình nghiệp vụ theo yêu cầu.

+ Tập trung, tổ chức các nhóm làm việc phù hợp cho các khách hàng VIP theo phương thức 24/7 vừa đáp ứng yêu cầu của khách hàng vừa đảm bảo an toàn trong dịch bệnh cho nhân viên trong quá trình thực hiện dịch vụ. Dịch vụ logistics cung cấp các khách hàng trong khu công nghiệp với sản lượng lớn đã góp phần quan trọng vào kết quả tăng khá của năm.

+ Kịp thời khai thác cơ hội phát sinh trong tình hình mới, đã tổ chức cung cấp dịch vụ cho một khối lượng khá lớn các mặt hàng vật tư y tế : nước khử khuẩn, găng tay, khẩu trang y tế ... và một số mặt hàng khác theo các phương thức vận tải phù hợp.

3. Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện khoản thu nhập theo kết quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự.
- Đã hoàn thành triển khai phần mềm nghiệp vụ mới VMS tại TPHCM và các CN Hải Phòng, Đà Nẵng góp phần tích cực cho công tác nghiệp vụ và quản lý.
  - Tiến hành cơ cấu lại tổ chức bộ máy kinh doanh tại trụ sở chính với việc thành lập cơ cấu các đầu mối thực hiện công việc theo chuỗi dịch vụ có liên quan theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, thống nhất, kiểm soát toàn diện suốt quá trình cung cấp dịch vụ của các bộ phận và nhân sự có liên quan hướng tới việc nâng cao tính hiệu quả và an toàn trong kinh doanh .
  - Tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Quy Nhơn và Công ty Logistics Vinalink (Cambodia) do tình hình kinh doanh không thuận lợi.
  - Đang xúc tiến việc giải thể Công ty Logistics Vinalink (Cambodia) chuyển sang phương thức kinh doanh thông qua đại lý cho phù hợp với tình hình thị trường Cam-pu-chia.
  - Năm 2020 công ty tiếp tục được đánh giá xếp hạng trong top 500 công ty cổ phần lớn nhất Việt Nam bởi VNR.

#### Một số hạn chế:

+ Do ảnh hưởng của đại dịch nên tình hình tài chính của một số khách hàng lớn bị ảnh hưởng đáng kể làm cho tình hình công nợ phát sinh lớn và thời gian kéo dài hơn cùng với việc doanh thu dịch vụ tăng 40% lên mức 100 tỷ/tháng làm cho việc đáp ứng yêu cầu vốn thanh toán trong thực hiện dịch vụ thường xuyên khó khăn, một số dịch vụ thuê ngoài do vậy cũng bị ảnh hưởng khi không có được giá tốt mong đợi.

+ Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế.

+ Cơ sở vật chất thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyên cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng.

+ Hoạt động kinh doanh của các chi nhánh chưa ổn định, tổ chức điều hành hiệu quả chưa cao.

### Kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- a) Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu đã thực hiện vượt mức toàn diện các chỉ tiêu ở mức cao .
- b) Thực hiện việc chi cổ tức năm 2020 là 1.500 đồng /cổ phần.
- c) Thực hiện hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các phòng nghiệp vụ đầu mối, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, chuyên môn hóa cao, thông nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ.
- d) Chưa thực hiện được việc thoái vốn tại một số công ty liên kết có hiệu quả không cao.
- e) Chưa thực hiện được việc đầu tư mua thêm đầu xe cont và xe tải đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh.
- f) Chưa thực hiện việc mua lại cổ phiếu công ty để làm cổ phiếu quỹ.

## 2) Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	289.526.137.788	227.588.929.133	127,21
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	87.234.501.538	87.566.112.659	99,62
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>376.760.639.326</b>	<b>315.155.041.792</b>	<b>119,55</b>

### b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Nợ ngắn hạn	139.350.004.932	79.065.814.164	176,25
B. Nợ dài hạn	42.305.000.000	47.305.000.000	89,43
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>181.655.004.932</b>	<b>126.370.814.164</b>	<b>143,75</b>

### c) Tình hình các khoản phải thu :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Các khoản phải thu ngắn hạn	224.634.123.950	157.738.518.320	142,41
B. Các khoản phải thu dài hạn	2.689.171.880	2.392.461.000	112,40
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>227.323.295.830</b>	<b>160.130.979.320</b>	<b>141,96</b>

Các khoản phải thu và phải trả hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tháng 9/2020 Công ty đã thực hiện cơ cấu lại tổ chức bộ máy kinh doanh tại Head Office với việc thành lập cơ cấu các đầu mối thực hiện công việc theo chuỗi dịch vụ có liên quan theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, thống nhất, kiểm soát toàn diện suốt quá trình cung cấp dịch vụ của các bộ phận và nhân sự có liên quan; hướng tới việc nâng cao tính hiệu quả và an toàn trong kinh doanh.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021

##### *Về kinh doanh và đầu tư*

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020 có nhiều yếu tố đặc biệt xuất hiện từ đầu năm là dịch bệnh Covid -19 hoành hành ở VN và trên toàn thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh và mọi mặt của đời sống xã hội. Các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, hoạt động vận tải hàng không suy giảm nghiêm trọng; các hoạt động vận tải khác cũng bị suy giảm lớn do việc tiến hành các biện pháp chống dịch, cách ly xã hội ... của chính phủ; các nước cũng đề tiến hành việc phong tỏa quốc gia. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, việc tổ chức điều hành kinh doanh ... Từng bước tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu tăng dịch vụ và đầu tư trong một vài năm tới thông qua các chương trình phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành cổ phiếu phổ thông vào thời điểm thích hợp.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2021 là:

- Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của chính phủ, đồng thời tập trung thực hiện mọi biện pháp phù hợp để duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, khai thác các cơ hội mới để bù lại các dịch vụ truyền thống, cố gắng giảm thiểu thiệt hại, chuẩn bị sẵn sàng cho việc khôi phục dịch vụ sau dịch.
- Phân đấu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ, phát huy kết quả tốt từ các dịch vụ cung cấp cho một số khách hàng lớn trong năm 2020 củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, tổ chức khai thác các nguồn lực hợp lý để nâng cao kết quả kinh doanh, phấn đấu tăng trưởng từ 10% các chỉ tiêu chủ yếu. Tập trung xử lý các khoản nợ phù hợp với tình hình thị trường, đánh giá lại nguồn khách hàng lấy tiêu chí hiệu quả và an toàn làm cơ bản. Tập trung củng cố hoàn thiện và thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, hiệu quả quản lý kinh doanh của Chi nhánh Hà nội theo hướng đảm bảo sự tập trung và thống nhất từ công ty.

#### **Chỉ tiêu chủ yếu :**

- Tổng Doanh thu : 1.200 tỷ VND
- Lãi trước thuế : 27,5 tỷ VND
- Cổ tức : 1.500 đồng/cổ phần



**Một số biện pháp chung:**

- + Thực hiện tốt có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch, tổ chức lại phương thức làm việc, kết hợp làm việc trực tiếp tại văn phòng với làm việc từ xa vừa bảo vệ được CBNV vừa tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, giữ vững hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh, sẵn sàng cho việc khôi phục và phát triển dịch vụ sau dịch là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2021.
- + Trong đó, tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.
- + Về mặt kinh doanh : tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
- + Tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh, tăng cường và hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự quản lý của các chi nhánh, nhất là chi nhánh Hà Nội.
- + Tiếp tục hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới – phần mềm VMS để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ.
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- + Đầu tư mua sắm thay thế 5 xe vận tải, 15 rơ-mooc, thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 12 tỷ đồng.
- + Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư trên cơ sở đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn theo nguyên tắc chào bán công khai và cạnh tranh phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn .
- + Thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu ESOP mức 5 % vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu vốn cho kinh doanh và tăng cường gắn kết cán bộ nhân viên chủ chốt với công ty .
- + Để đảm bảo nguồn vốn thanh toán dịch vụ, giao HĐQT tùy nhu cầu cụ thể xem xét việc sử dụng phương án vay ngắn hạn ngân hàng khi cần thiết .



- + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- + Tiếp tục hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty.

### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Công ty Kiểm toán đồng ý toàn bộ với Báo cáo Tài chính năm 2020 của Vinalink.

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

*a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).*

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể CBNV thực hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV, tiết kiệm chi phí điện – nước, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp hiệu quả vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau :

- Chất lượng đội ngũ nhân lực : trong những năm gần đây các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, Logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.

- Thách thức trong quản trị nhân sự :

Kể từ năm 2014, khi Việt Nam thực hiện cam kết mở cửa thị trường dịch vụ logistics sau khi gia nhập WTO thì số lượng các công ty nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ CBNV hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.

Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban Giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao của Công ty, Công đoàn Khối Bộ Công Thương và Hiệp hội Logistics VLA tổ chức.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban Giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ CBNV Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

Thông qua các hoạt động này, toàn thể CBCNV Công ty mong muốn gìn giữ và phát triển tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, “lá lành đùm lá rách”, là một nét đẹp trong văn hóa sống và kinh doanh không thể thiếu của người Việt. Việc tham gia các hoạt động từ thiện thiết thực và ý nghĩa, không chỉ mang lại niềm vui cho đồng bào nghèo, khó khăn mà còn mang lại sự tự hào và gắn kết của đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

HDQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2020, ngoài các phiên họp chính thức, HDQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HDQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- HDQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2020 trong điều kiện tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, biến động phức tạp do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện kinh doanh và phương thức làm việc, đến hiệu quả kinh doanh nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo tình hình vừa kinh doanh đạt kết quả cao vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh .
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HDQT.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và chế độ báo cáo thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty đáp ứng tốt các quy định về công bố thông tin trong năm 2020.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp phù hợp với trạng thái bình thường mới, vừa phòng chống dịch bệnh, vừa kinh doanh ổn định và hiệu quả, an toàn .
- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và phương tiện vận tải phù hợp thực tế.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2019-2024): 5 người.

Trong đó : Thành viên độc lập: 01 người ; Thành viên kiêm nhiệm: 02 người

S T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên HĐQT các Công ty khác
1	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	4.20%	Ủy viên HĐQT – VNT Logistics Phó Chủ tịch HĐQT – RCL Vietnam Chủ tịch HĐQT – Konoike Vina
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	1%	Phó Chủ tịch HĐQT – FC VN Phó Chủ tịch HĐQT – LCM Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Chủ tịch HĐQT – Kim Thành Logistics Thành viên HĐQT – Cty TNHH vận tải Ô tô Vina Vinatrans

3	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT- Phó Tổng GĐ	0.67%	Thành viên HĐQT – Công ty LCM Thành viên HĐQT – FC Viet Nam
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	0.24%	Giám đốc Cty CP Vận chuyển Vinalink
5	Ông Trương Minh Long <i>Mất ngày 01/01/2021 do bệnh đột ngột</i>	Thành viên HĐQT	1.12%	Tổng Giám đốc - Vinatrans Ủy viên HĐQT - Vinafreight Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Konoike Vina

*b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT

*c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.*

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty Vinalink, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc theo nội dung như sau:

- Phối hợp BGD Cty tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 để có cơ sở xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2020.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo, triển khai các kế hoạch theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, đồng thời giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám đốc.
- Tại các cuộc họp, TGD báo cáo với HĐQT việc thực hiện các nghị quyết và các nhiệm vụ mà HĐQT đã ủy quyền. Thành viên HĐQT có ý kiến về các vấn đề của Công ty về các vấn đề cần thiết qua emails hoặc tại các cuộc họp của HĐQT.

- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: TGD tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

**Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020 :**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	615/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	06/03/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông năm 2020: ngày 28/04/2020</li> <li>2) Kế hoạch chi cổ tức đợt 2/2019 (mức chi 8%, ngày chi 24/04/2020)</li> <li>3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020 và chi cổ tức đợt 2/2019 : ngày 30/03/2020.</li> </ol>
2	617/2020/NQ/ VNL-HĐQT	06/03/2020	Tạm ngừng hoạt động kinh doanh Chi nhánh Công ty tại Quy Nhơn.
3	795/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	24/03/2020	<p>Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới việc tổ chức ĐHĐCĐ.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hủy ngày đăng ký cuối cùng 30/03/2020 để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 và tạm ứng cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền.</li> <li>2. Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo dự kiến vào ngày 28/04/2020, gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ.</li> <li>3. Hoãn thanh toán cổ tức đợt 2/2019 theo NQ 615/2020/ QĐ/VNL-HĐQT.</li> </ol>

4	824/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	26/03/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không hủy ngày đăng ký cuối cùng 30/03/2020.</li> <li>2. Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo dự kiến 28/04/2020 và lùi thời gian thanh toán cổ tức đợt 2/2019 theo NQ 615/2020/ QĐ/VNL-HĐQT ngày 06/03/2020.</li> </ol>
5	973/2020/NQ/ VNL-HĐQT	09/04/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thay đổi thời gian tạm ứng cổ tức đợt 2/2019 : ngày 24/08/2020.</li> <li>2. Danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2/2019 theo DS tổng hợp NSHCK nhận cổ tức tại ngày ĐKCC 30/03/2020 do TTLK lập ngày 01/04/2020.</li> </ol>
6	1016/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	17/04/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hủy danh sách tổng hợp NSHCK thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày ĐKCC 30/03/2020 do TTLK lập ngày 01/04/2020 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 28/04/2020.</li> <li>2. Ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo kế hoạch mới : 28/05/2020.</li> <li>3. Ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo kế hoạch mới : 08/05/2020.</li> </ol>
7	1183/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	14/05/2020	Thông qua chương trình họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (CBTT tài liệu họp).
8	1467/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	23/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM VN)
9	1907/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	17/08/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhất trí chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty tại VINATRANS</li> </ol>

			DANANG 2. Nhất trí thông qua Quy chế bán thỏa thuận cổ phần của công ty tại VINATRANS DANANG.
10	1907/2020/BB/ VNL-HĐQT	07/09/2020	Nhất trí tạm dừng việc thoái vốn Vinatrans Danang và sẽ xem xét thực hiện thoái vốn trong tương lai khi các yếu tố có liên quan thuận lợi hơn.
11	2371/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	26/10/2020	Chấp thuận việc chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2020 của dự án đầu tư ra nước ngoài của Cty tại Campuchia.
12	2370/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	26/10/2020	Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông Vinalink (mức chi, NĐKCC, ngày thanh toán)
13	2489/2020/QĐ/ VNL-HĐQT	11/11/2020	Thay đổi địa chỉ Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Đà Nẵng

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong năm 2020 tại cơ sở đào tạo do UBCKNN quy định theo quy định về quản trị công ty.

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS (nhiệm kỳ 2019-2024): 3 người.

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS	0.05%

2	Bà Trang Anh Xuân	TV BKS	0.94%
3	Bà Lê Thị Ngọc Anh	TV BKS	0.024%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

\* Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp.

\* Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Trưởng ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành.
- Báo cáo kiểm soát định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty; kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.

\* Đánh giá chung của Ban Kiểm soát :

- Về mặt quản lý, điều hành kinh doanh :

Công ty đã tiến hành sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị cho hiệu quả hơn, quyết định tạm ngưng hoạt động kinh doanh tại chi nhánh Quy Nhơn, đang xúc tiến việc giải thể Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink tại Cambodia để chuyển sang hình thức kinh doanh thông qua đại lý cho phù hợp hơn.

Công ty đã triển khai đưa vào sử dụng thành công phần mềm VMS là phần mềm quản lý nghiệp vụ giao nhận vận tải. Đây là một bước tiến lớn, như là cuộc cách mạng trong việc sắp xếp lại và hoàn thiện việc quản lý cho hợp lý và hiệu quả hơn.

- Về kết quả kinh doanh :

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 gây bao khó khăn cho toàn xã hội, Công ty đã có thể tận dụng những cơ hội kinh doanh đặc biệt phát sinh bên cạnh các mảng kinh doanh truyền thống để đạt được kết quả vượt trội rất khả quan.

- Về công tác lập Báo cáo tài chính và tổ chức hạch toán kế toán :

Báo cáo tài chính của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành.



BCTC được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. BCTC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam.

- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý :
  - o Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi.
  - o Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty
  - o HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

##### ***Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát***

Mức thù lao và quỹ HĐQT & BKS năm 2020 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

Thù lao và tiền thưởng trong năm 2020 như sau :

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/ tháng)
1	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000
3	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	3.000.000
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	3.000.000
5	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	3.000.000
6	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS	3.000.000
7	Bà Trang Anh Xuân	Thành viên BKS	1.000.000
8	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	1.000.000

Tổng thù lao và tiền thưởng HĐQT : 276.000.000 đ

Tổng thù lao và tiền thưởng BKS : 60.000.000 đ

**Lương Ban Giám đốc**

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng GD
3	Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng GD
4	Bà Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc năm 2020 : 3.292.993.275 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: *Không phát sinh*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm 2020, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Bán dịch vụ:**

Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	2.750.596.383
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	267.506.661
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	32.235.585
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	19.557.418
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	68.828.182
<b>Tổng cộng :</b>	<b>3.138.724.229</b>

**Mua dịch vụ:**

Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	505.298.446
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	533.599.384
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	165.445.488
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	14.647.880
<b>Tổng cộng :</b>	<b>1.218.991.198</b>

Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:  
 Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam**

### 1. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 (hợp nhất) đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Nam Tiến**

14 -04- 2021

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 39



## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Nam Tiên**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Số: 452/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2020-026-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>291.490.427.603</b>	<b>232.600.655.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>66.443.291.046</b>	<b>74.035.149.911</b>
1. Tiền	111		39.935.815.173	49.605.797.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.507.475.873	24.429.352.715
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.088.500.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.088.500.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>223.321.547.035</b>	<b>157.671.092.539</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	216.686.723.745	138.290.390.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.485.109.386	2.425.004.647
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	10.210.182.971	18.153.615.211
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.060.469.067)	(1.197.917.390)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>637.089.522</b>	<b>894.413.245</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.288.000	360.397.393
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	16.569.330	9.783.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	524.232.192	524.232.192
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>111.116.911.734</b>	<b>108.300.826.399</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.689.171.880</b>	<b>2.489.603.379</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.689.171.880	2.489.603.379
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.055.520.524</b>	<b>47.832.302.621</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	21.700.520.524	21.432.302.621
Nguyên giá	222		53.311.832.362	51.490.422.672
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.611.311.838)	(30.058.120.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	26.355.000.000	26.400.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.000.000)	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>59.819.269.370</b>	<b>56.637.718.480</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		58.693.119.370	55.911.568.480
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		400.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>552.949.960</b>	<b>1.341.201.919</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		552.949.960	1.341.201.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>402.607.339.337</b>	<b>340.901.482.094</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>181.671.663.844</b>	<b>129.445.574.176</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.366.663.844</b>	<b>82.140.574.176</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	107.717.037.061	62.422.834.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.216.481	1.591.858.458
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.784.900.429	1.946.308.302
4. Phải trả người lao động	314	4.11	12.973.600.073	8.793.031.589
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.919.448.829	953.664.575
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	9.319.408.992	3.784.023.182
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	1.610.051.979	2.648.853.434
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.305.000.000</b>	<b>47.305.000.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	9.500.000.000	14.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	32.805.000.000	32.805.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>220.935.675.493</b>	<b>211.455.907.918</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>220.935.675.493</b>	<b>211.455.907.918</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.059.590.857	5.059.590.857
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		108.342.177	91.899.065
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		627.549.278	569.608.287
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.140.193.181	105.734.809.709
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		98.249.151.996	93.246.807.807
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.891.041.185	12.488.001.902
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>402.607.339.337</b>	<b>340.901.482.094</b>



Nguyễn Nam Tiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Anh Nam

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh

Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.202.207.498.846	899.914.942.172
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.202.207.498.846	899.914.942.172
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.162.837.277.998	871.202.156.115
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.370.220.848	28.712.786.057
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.351.194.888	4.694.979.109
6. Chi phí tài chính	22	5.4	3.293.416.982	2.658.096.796
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		7.624.920.320	6.351.506.038
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	20.349.454.058	14.559.201.496
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.703.465.016	22.541.972.912
10. Thu nhập khác	31		211.654.470	487.564.261
11. Chi phí khác	32		-	67.833.741
12. Lợi nhuận khác	40		211.654.470	419.730.520
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.915.119.486	22.961.703.432
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	5.724.078.301	4.173.701.530
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.191.041.185	18.788.001.902
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23.191.041.185	18.788.001.902
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	2.532	2.049
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.3	2.532	2.049



**Nguyễn Nam Tiến**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Anh Nam**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Thanh Thanh**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.915.119.486	22.961.703.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.601.804.235	2.695.616.476
Các khoản dự phòng	03		4.862.551.677	(785.390)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		220.715.036	(77.504.843)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.001.846.469)	(8.192.395.842)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		27.598.343.965	17.386.633.833
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.245.482.723)	31.131.081.578
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46.800.219.302	(11.845.701.816)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.052.361.352	(686.240.398)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(4.884.501.899)	(8.062.505.886)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.388.801.455)	(2.629.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.932.138.542	25.293.767.311
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.989.952.639)	(2.094.963.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		245.272.727	475.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.488.500.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.175.311.271	6.414.627.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.942.131.359	4.795.573.239
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.16.4	(13.500.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.500.000.000)	(18.000.000.000)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)</b>	50		(7.625.730.099)	12.089.340.550
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		74.035.149.911	61.800.125.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		33.871.234	145.683.835
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)</b>	70	4.1	66.443.291.046	74.035.149.911



Nguyễn Nam Tiến  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2020.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 11 năm 2020.
- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Chi nhánh tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm từ ngày 01/04/2020 đến 31/03/2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 617/2020/NQ/VNL-HĐQT ngày 06/03/2020.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 339 người (31/12/2019: 343 người).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ vận tải.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2020, ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID – 19) đã tác động tích cực đến tình hình kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn nhận được một lượng lớn các đơn hàng vận chuyển/xuất khẩu phục vụ cho dịch bệnh gồm các mặt hàng như: khẩu trang, nước rửa tay,...điều này dẫn đến doanh thu năm 2020 của Tập đoàn tăng đáng kể so với năm 2019.

**1.6. Các công ty con được hợp nhất**

*Công ty con trực tiếp:*

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.7. Các công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%
2.	Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	30,00%	56,52%
3.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
4.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%
5.	Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
6.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%
7.	Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 – 08 năm |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả là giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo và chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được xác định căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm, và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Lương**

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

**3.11. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh, liên kết.

**3.14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là lỗ tỷ giá hối đoái.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.17. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.17. Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức: 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	4.091.430.196	4.886.097.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.880.169.592	44.719.699.331
Tiền đang chuyển	964.215.385	-
Các khoản tương đương tiền (*)	26.507.475.873	24.429.352.715
<b>Cộng</b>	<b>66.443.291.046</b>	<b>74.035.149.911</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,8%/năm.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 4 tháng đến 12 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,2%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 24 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 5,3%/năm.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302	12.658.029.753	4.908.430.302	11.752.277.470
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000	8.341.375.018	1.927.800.000	7.144.914.427
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000	2.094.575.581	946.800.000	1.275.151.959
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000	6.713.224.684	3.918.874.000	7.291.197.818
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	9.971.729.933	4.392.000.000	9.036.092.031
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	19.120.589.000	16.248.438.691	19.120.589.000	16.736.146.405
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	2.665.745.710	2.000.000.000	2.675.788.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.214.493.302</b>	<b>58.693.119.370</b>	<b>37.214.493.302</b>	<b>55.911.568.480</b>

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ góp vốn là 9,81%.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	84.763.092	15.819.222
Phải thu khách hàng trong nước:	193.611.386.641	114.173.312.273
<i>Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet</i>	27.723.283.441	18.984.243.729
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	27.322.419.970	7.815.275.754
<i>Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Gia Bảo Hưng</i>	15.106.800.000	-
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	5.530.254.254	4.271.027.623
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	2.389.999.397	3.049.160.555
<i>Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV</i>	1.764.949.107	3.117.988.222
<i>Chi nhánh Hà Nội- Công ty TNHH lum Logistics</i>	1.249.451.692	2.643.877.720
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	112.524.228.780	74.291.738.670
Phải thu khách hàng nước ngoài:	22.990.574.012	24.101.258.576
<i>Lamaignere Cargo Korea</i>	7.357.982.056	13.264.406
<i>GC Logistics Inc</i>	3.747.448.975	4.721.705.120
<i>Ziegler Logistics (Hong Kong) Ltd</i>	1.804.735.354	78.608.000
<i>Hong Leng Hour Import Export &amp; Transportation Co., Ltd</i>	17.391.425	4.448.709.478
<i>Premium Logistics &amp; Transport Co., Ltd</i>	-	2.986.615.706
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	10.063.016.202	11.852.355.866
<b>Cộng</b>	<b>216.686.723.745</b>	<b>138.290.390.071</b>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.000.000.000	1.000.000.000
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.485.109.386	1.425.004.647
<b>Cộng</b>	<b>2.485.109.386</b>	<b>2.425.004.647</b>

Tại ngày 31/12/2020, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	4.936.591.018	-	9.802.413.325	-
Ký cược, ký quỹ Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh (*)	1.831.964.883	-	2.614.400.000	-
Phải thu khác	2.689.352.207	-	3.681.352.207	-
	752.274.863	-	2.055.449.679	-
<b>Cộng</b>	<b>10.210.182.971</b>	<b>-</b>	<b>18.153.615.211</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.189.171.880	-	1.989.603.379	-
Phải thu khác	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.689.171.880</b>	<b>-</b>	<b>2.489.603.379</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Tập đoàn đã thỏa thuận với Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh để thanh lý hợp đồng và thu hồi lại khoản ứng trước trên.

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	16.635.229.067	10.574.760.000	1.528.429.067	330.511.677

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu (tiếp theo)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm	15.106.800.000	10.574.760.000	-	-
Dư nợ từ 1 - 2 năm	-	-	-	-
Dư nợ từ 2 - 3 năm	-	-	1.101.705.595	330.511.677
Dư nợ từ trên 3 năm	1.528.429.067	-	426.723.472	-
<b>Cộng</b>	<b>16.635.229.067</b>	<b>10.574.760.000</b>	<b>1.528.429.067</b>	<b>330.511.677</b>

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	21.838.529.093	677.815.021	27.692.291.631	1.281.786.927	51.490.422.672
Giảm (do ảnh hưởng tỷ giá)	-	-	-	(2.627.494)	(2.627.494)
Mua trong năm	-	84.545.455	2.764.107.184	33.300.000	2.881.952.639
Thanh lý, nhượng bán	-	(243.370.000)	(814.545.455)	-	(1.057.915.455)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>21.838.529.093</b>	<b>518.990.476</b>	<b>29.641.853.360</b>	<b>1.312.459.433</b>	<b>53.311.832.362</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	6.428.426.244	337.230.610	22.093.479.858	1.198.983.339	30.058.120.051
Khấu hao trong năm	876.507.132	66.571.434	1.588.603.396	25.122.273	2.556.804.235
Thanh lý, nhượng bán	-	(243.370.000)	(760.242.448)	-	(1.003.612.448)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>7.304.933.376</b>	<b>160.432.044</b>	<b>22.921.840.806</b>	<b>1.224.105.612</b>	<b>31.611.311.838</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	15.410.102.849	340.584.411	5.598.811.773	82.803.588	21.432.302.621
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>14.533.595.717</b>	<b>358.558.432</b>	<b>6.720.012.554</b>	<b>88.353.821</b>	<b>21.700.520.524</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.247.203.609 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>26.130.000.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>26.400.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>-</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>26.130.000.000</b>	<b>225.000.000</b>	<b>26.355.000.000</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán trong nước:	75.096.358.444	75.096.358.444	38.532.723.445	38.532.723.445
<i>Công ty TNHH United Trans Vietnam</i>	8.190.486.596	8.190.486.596	499.866.480	499.866.480
<i>Công ty Cổ phần Tiếp Vận AVC Việt Nam</i>	4.885.947.914	4.885.947.914	1.145.354.020	1.145.354.020
<i>Công ty TNHH Phúc Vinh</i>	721.056.803	721.056.803	2.041.756.733	2.041.756.733
<i>Văn phòng HHK Singapore tại Việt Nam</i>	215.237.386	215.237.386	468.000.645	468.000.645
<i>Văn phòng bán vé HHK Cathay Pacific Airway tại TP. Hồ Chí Minh</i>	139.825.134	139.825.134	118.664.738	118.664.738
<i>Người bán khác trong nước</i>	60.943.804.611	60.943.804.611	34.259.080.829	34.259.080.829
Phải trả cho người bán nước ngoài:	32.620.678.617	32.620.678.617	23.890.111.191	23.890.111.191
<i>Ningbo Hightime International Logistics Co.,Ltd</i>	1.718.098.274	1.718.098.274	197.303.359	197.303.359
<i>Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd</i>	1.062.293.792	1.062.293.792	1.374.717.344	1.374.717.344
<i>AD Rem Transport Uab</i>	880.010.076	880.010.076	1.822.929.986	1.822.929.986
<i>Full Global Logistics Solutions Limited</i>	850.348.039	850.348.039	688.163.245	688.163.245
<i>Eagles Air &amp; Sea (Thailand) Co., Ltd</i>	779.228.654	779.228.654	441.411.271	441.411.271
<i>Goodpack Pte Ltd</i>	564.257.866	564.257.866	773.524.285	773.524.285
<i>Shanghai Vast International Freight Co., Ltd</i>	446.432.575	446.432.575	178.301.736	178.301.736
<i>Trimanson Express Ltd</i>	28.367.569	28.367.569	141.021.097	141.021.097
<i>Bewell Services Pte Ltd</i>	-	-	494.132.049	494.132.049
<i>Đại lý nước ngoài khác</i>	26.291.641.772	26.291.641.772	17.778.606.819	17.778.606.819
<b>Cộng</b>	<b>107.717.037.061</b>	<b>107.717.037.061</b>	<b>62.422.834.636</b>	<b>62.422.834.636</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020		
	VND		VND			VND		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.783.660		31.414.642.992		31.407.857.322	16.569.330		
	Tại ngày 01/01/2020 VND		Trong năm VND			Tại ngày 31/12/2020 VND		
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Chênh lệch tỷ giá	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	619.636.078	35.721.464.559	4.382.650.396	31.407.857.322	-	-	550.592.919
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	881.767.512	5.724.078.301	4.884.501.899	-	(589.748)	-	1.720.754.166
Thuế thu nhập cá nhân	-	316.131.008	5.616.620.634	5.541.468.255	-	-	-	391.283.387
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.882.069.330	1.882.069.330	-	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	128.773.704	1.326.663.355	1.333.167.102	-	-	-	122.269.957
<b>Cộng</b>	<b>524.232.192</b>	<b>1.946.308.302</b>	<b>50.270.896.179</b>	<b>18.023.856.982</b>	<b>31.407.857.322</b>	<b>(589.748)</b>	<b>524.232.192</b>	<b>2.784.900.429</b>

Trong năm 2018 Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Tập đoàn áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Cước vận chuyển, phí làm hàng	4.913.723.794	953.664.575
Các khoản trích trước khác	5.725.035	-
<b>Cộng</b>	<b>4.919.448.829</b>	<b>953.664.575</b>

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	3.910.450.896	2.526.177.799
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.408.958.096	1.257.845.383
<b>Cộng</b>	<b>9.319.408.992</b>	<b>3.784.023.182</b>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.805.000.000</b>	<b>32.805.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 11.

**4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	2.648.853.434	4.800.353.434
Trích lập trong năm	350.000.000	479.000.000
Sử dụng trong năm	(1.388.801.455)	(2.630.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.610.051.979</b>	<b>2.648.853.434</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (Tạm) Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	23.191.041.185 (403.428.135)	18.788.001.902 (350.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.787.613.050	18.438.001.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS)</b>	<b>2.532</b>	<b>2.049</b>

Quý Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quý khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 05 năm 2020.

**4.16.4. Cổ tức**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(13.500.000.000)	(18.000.000.000)

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.202.496,23	1.436.955,91

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	650.676.543.614	499.005.254.883
<i>Dịch vụ hàng không</i>	351.573.926.398	259.156.494.376
<i>Dịch vụ đường biển</i>	179.462.222.416	83.081.073.990
<i>Dịch vụ logistics</i>	119.640.394.800	156.767.686.517
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	481.120.239.282	321.516.928.985
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	51.089.763.351	53.777.892.819
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.493.496.286	9.919.933.344
Doanh thu chi nhánh Quy Nhơn	-	159.390.550
Doanh thu Công ty con	9.827.456.313	15.535.541.591
<b>Cộng</b>	<b>1.202.207.498.846</b>	<b>899.914.942.172</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	3.138.724.229	284.461.827

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	613.580.423.135	473.194.921.079
<i>Dịch vụ phòng hàng không</i>	337.531.370.203	248.735.856.488
<i>Dịch vụ phòng đường biển</i>	165.704.334.699	75.789.762.413
<i>Dịch vụ phòng logistics</i>	110.344.718.233	148.669.302.178
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	480.903.009.620	320.818.010.637
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	51.316.311.809	53.696.779.226
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	9.325.059.228	9.939.043.573
Giá vốn chi nhánh Quy Nhơn	32.973.633	281.722.384
Giá vốn Công ty con	7.679.500.573	13.271.679.216
<b>Cộng</b>	<b>1.162.837.277.998</b>	<b>871.202.156.115</b>
Trong đó, giá vốn đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.218.991.198	2.626.186.137



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.185.956.429	1.371.841.793
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.165.238.459	3.245.632.473
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	77.504.843
<b>Cộng</b>	<b>5.351.194.888</b>	<b>4.694.979.109</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.072.701.946	2.658.096.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	220.715.036	-
<b>Cộng</b>	<b>3.293.416.982</b>	<b>2.658.096.796</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	10.008.775.179	8.378.601.482
Chi phí vật liệu	157.364.950	197.616.997
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.730.500	18.563.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	519.363.757	779.878.640
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu	4.862.551.677	(785.390)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.591.321.493	3.664.508.247
Các khoản chi phí khác	2.129.346.502	1.515.818.520
<b>Cộng</b>	<b>20.349.454.058</b>	<b>14.559.201.496</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	67.453.065.582	64.650.986.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.601.804.235	2.695.616.476
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu	4.862.551.677	(785.390)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	908.481.484.657	620.389.648.680
Chi phí khác bằng tiền	199.787.825.905	198.025.891.710
<b>Cộng</b>	<b>1.183.186.732.056</b>	<b>885.761.357.611</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.724.078.301	4.027.104.887
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế hiện hành năm nay	-	146.596.643
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>5.724.078.301</u></b>	<b><u>4.173.701.530</u></b>

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN theo từng công ty trong Tập đoàn.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Hà Nội;
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Quy Nhơn và Vương quốc Campuchia.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
<b>Doanh thu hợp nhất</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	650.677	499.005	481.120	321.517	70.410	79.393			1.202.207	899.915
Giữa các bộ phận	715	426	-	-	505	838	(1.220)	(1.264)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>651.391</b>	<b>499.431</b>	<b>481.120</b>	<b>321.517</b>	<b>70.915</b>	<b>80.231</b>	<b>(1.220)</b>	<b>(1.264)</b>	<b>1.202.207</b>	<b>899.915</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	37.096	25.810	217	699	2.056	2.204	-	-	39.370	28.713
Chi phí không phân bổ									(20.349)	(14.559)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									19.021	14.154
Thu nhập tài chính									5.351	4.695
Chi phí tài chính									(3.293)	(2.658)
Lợi nhuận khác									211	419
Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết									7.625	6.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(5.724)	(4.174)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>23.191</b>	<b>18.788</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản của bộ phận	310.902	283.597	97.617	65.647	14.583	22.634	(20.494)	(30.976)	402.607	340.901
<b>Tổng tài sản</b>									<b>402.607</b>	<b>340.901</b>
Nợ phải trả của bộ phận	116.887	95.185	96.440	64.453	12.664	20.576	(44.318)	(50.789)	181.672	129.446
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>181.672</b>	<b>129.446</b>
	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí mua sắm tài sản	2.205	1.396	785	-	-	537	-	-	2.990	2.095
Chi phí khấu hao	2.271	2.130	255	447	76	118	-	-	2.602	2.696

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	7.885.512	13.427.428
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.166.580	2.391.794
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	75.711.000	
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>84.763.092</b>	<b>15.819.222</b>
	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Bán dịch vụ:</b>		
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	2.750.596.383	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	267.506.661	204.735.439
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	32.235.585	68.356.210
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	19.557.418	11.370.178
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	68.828.182	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>3.138.724.229</b>	<b>284.461.827</b>
	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
<b>Mua dịch vụ:</b>		
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	505.298.446	1.782.865.876
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	533.599.384	839.020.261
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	165.445.488	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	14.647.880	4.300.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.2</b>	<b>1.218.991.198</b>	<b>2.626.186.137</b>

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	647.030.000	861.040.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.327.369.613	1.331.307.921
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	997.152.548	955.686.308
Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	187.650.000	253.200.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	64.500.000	53.639.000
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	742.540.000	750.080.000
Bà Trần Thị Bình	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
<b>Cộng</b>		<b>3.966.242.161</b>	<b>4.228.953.229</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	60.000.000	85.000.000

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<u>Năm 2019</u> VND (Được báo cáo lại)	<u>Năm 2019</u> VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.049	2.051
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.049	2.051

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Tập đoàn đã trích lập quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28 tháng 05 năm 2020 (báo cáo tài chính năm 2019 được ghi nhận theo số tạm trích).

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 283/2021/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 02 tháng 03 năm 2021, Tập đoàn đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ là 8% mệnh giá cổ phần (800 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 7.200.000.000 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 20/04/2021.

Theo Nghị quyết số 329/2021/NQ/VNL-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2021, Tập đoàn quyết định tạm ngưng hoạt động kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại Quy Nhơn thêm 1 năm bắt đầu từ ngày 1/4/2021 đến ngày 31/3/2022.

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến 31/12/2020 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài các ảnh hưởng nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Tập đoàn có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Tập đoàn nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ đồng và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Tập đoàn sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Tập đoàn (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m<sup>2</sup>, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Tập đoàn đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Tập đoàn đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi khu đất để giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội thực hiện dự án đầu tư theo định hướng quy hoạch của TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2371/2020/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2020, Tập đoàn đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2020 của dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) – Công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 575/BKHĐT-ĐTRNN ngày 20/12/2012. Đến nay, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục, hồ sơ giải thể Công ty.



**Nguyễn Nam Tiến**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Anh Nam**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Thanh Thanh**  
**Người lập**



**Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN  
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)**

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về việc chênh lệch Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) năm 2020 và Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ%
Doanh thu thuần BCTC riêng	1,193,094,943,186	884,805,232,568	308,289,710,618	134.84%
Doanh thu thuần BCTC Hợp nhất	1,202,207,498,846	899,914,942,172	302,292,556,674	133.59%
Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	20,171,406,766	16,620,235,774	3,551,170,992	121.37%
Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	23,291,041,185	18,788,001,902	4,503,039,283	123.97%

Lý do:

- Doanh thu thuần tăng chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid\_19 làm giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao.
- Lợi nhuận sau thuế tăng chủ yếu do dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường biển và dịch vụ hỗ trợ tăng

Người đại diện theo pháp luật  
TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Nguyễn Nam Tiến